SAO Y; HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH; 16/12/2025; 14:00:50; +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 44/2025/NQ-HĐND	*Ninh Bình, ngày 09 tháng 12 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2025-2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15;

Căn cứ Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14;

Căn cứ Luật Du lịch số 09/2017/QH14;

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 168/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 142/2018/NĐ-CP và Nghị định số 94/2021/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số 163/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc Dự thảo Nghị quyết Ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2025-2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2025-2030.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2025-2030.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết số 105/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2023 - 2030 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý XLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Ninh Bình;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Lê Quốc Chỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2025-2030

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn 2025-2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện các hoạt động phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc tổ chức thực hiện các chính sách tại Quy định này.

3. Các chính sách tại Quy định này không áp dụng đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đang trong quá trình thực hiện thủ tục phá sản; trong quá trình giải thể; tạm ngừng hoạt động; mất khả năng thanh toán; bị cơ quan chức năng điều tra, truy tố.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, điều kiện, trình tự, thủ tục, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện chính sách.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đáp ứng đủ điều kiện của từng chính sách tại Quy định này thì được hưởng mức hỗ trợ của chính sách đó.

3. Đối tượng được hỗ trợ có trách nhiệm sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đúng nội dung để phát huy hiệu quả của chính sách.

4. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện một hoạt động mà đáp ứng điều kiện hỗ trợ của chính sách tại Quy định này và chính sách hỗ trợ khác của tỉnh thì chỉ được hưởng chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

5. Trong trường hợp chính sách hỗ trợ của Trung ương và chính sách hỗ trợ tại Quy định này có cùng nội dung và đối tượng được hỗ trợ thì đối tượng được hỗ trợ hưởng chính sách hỗ trợ của Trung ương. Nếu chính sách của Trung ương có

mức hỗ trợ thấp hơn chính sách tại Quy định này thì ngân sách tỉnh cấp bù phần chênh lệch để đạt mức hỗ trợ theo Quy định này.

6. Không hỗ trợ đối với hoạt động của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bắt đầu thực hiện trước thời điểm Quy định này có hiệu lực, trừ trường hợp quy định tại Điều 11 Quy định này.

7. Đối tượng được hỗ trợ chỉ được hỗ trợ một lần đối với một chính sách tại Quy định này trong giai đoạn 2025-2030; trừ các trường hợp quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 11, Điều 12 Quy định này.

Chương II
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH; HỖ TRỢ THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH XÚC TIẾN DU LỊCH, HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM VỀ DU LỊCH TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

Điều 4. Hỗ trợ tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức chuyên môn về du lịch và ngoại ngữ giao tiếp trong hoạt động du lịch

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức chuyên môn về du lịch và ngoại ngữ giao tiếp trong hoạt động du lịch cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Đối tượng được hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Điều kiện hỗ trợ:

a) Các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch đáp ứng đầy đủ các quy định pháp luật về kinh doanh du lịch hoặc có quyết định, giấy phép chấp thuận chủ trương đầu tư của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

b) Có kế hoạch, dự trù kinh phí tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức chuyên môn về du lịch và ngoại ngữ giao tiếp trong hoạt động du lịch cho người lao động đang làm việc tại các cơ sở kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh.

c) Lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức chuyên môn về du lịch và ngoại ngữ giao tiếp trong hoạt động du lịch tổ chức trên địa bàn tỉnh và không thu phí của học viên tham gia.

d) Mỗi lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức chuyên môn về du lịch và ngoại ngữ giao tiếp trong hoạt động du lịch phải bảo đảm tối thiểu 25 học viên/ lớp, thời gian tổ chức ít nhất 02 ngày.

đ) Giảng viên tham gia giảng dạy phải có trình độ đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp, có ít nhất 03 năm kinh nghiệm giảng dạy trong lĩnh vực du lịch, ngoại ngữ giao tiếp.

e) Học viên phải là đối tượng chưa tham gia lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức chuyên môn về du lịch và ngoại ngữ giao tiếp trong hoạt động du lịch có cùng nội dung tập huấn, bồi dưỡng và chưa được hỗ trợ kinh phí tổ chức theo quy định tại Điều này trong năm.

4. Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 90% chi phí tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng, với mức tối đa như sau:

a) Không quá 30 triệu đồng/lớp đối với lớp có từ 25 đến 50 học viên.

b) Không quá 50 triệu đồng/lớp đối với lớp có trên 50 học viên.

c) Mỗi tổ chức, cá nhân chỉ được hỗ trợ tổ chức tối đa 02 lớp/năm.

5. Thời điểm hỗ trợ: Sau khi hoàn thành việc tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng theo kế hoạch.

6. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu).

b) Danh sách giảng viên kèm lý lịch khoa học hoặc giấy tờ chứng minh trình độ, kinh nghiệm giảng dạy.

c) Danh sách học viên tham gia lớp tập huấn, bồi dưỡng.

d) Kế hoạch, bảng kê kinh phí tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng.

đ) Bản chính hoặc bản sao các hóa đơn, chứng từ hợp pháp để chứng minh chi phí tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng (trường hợp nộp bản sao thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu).

Điều 5. Hỗ trợ đào tạo nghề du lịch

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ người dân địa phương và người lao động tham gia khóa đào tạo nghề du lịch tổ chức trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng được hỗ trợ: Người dân địa phương và người lao động đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Điều kiện hỗ trợ:

a) Là người dân địa phương hoặc người lao động từ 18 tuổi trở lên đang sinh sống và làm việc trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

b) Tham gia khóa đào tạo nghề du lịch tổ chức trên địa bàn tỉnh có thời gian tối thiểu 03 tháng và được cấp giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ hoàn thành khóa học.

c) Có bản cam kết làm việc trong lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình tối thiểu 12 tháng kể từ ngày được cấp chứng nhận hoặc chứng chỉ. Trường

hợp vi phạm cam kết, người được hỗ trợ phải hoàn trả lại toàn bộ kinh phí đã được hỗ trợ.

d) Trường hợp là người lao động đang làm việc tại các cơ sở kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh, phải có văn bản cử đi học của cơ sở nơi người lao động đang làm việc.

4. Mức hỗ trợ: 5.000.000 đồng/người/khoá đào tạo.

5.Thời điểm hỗ trợ: Sau khi được cấp chứng nhận hoặc chứng chỉ về việc hoàn thành khóa đào tạo nghề du lịch.

6. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu).

b) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo nghề du lịch.

c) Bản cam kết làm việc trong lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh tối thiểu 12 tháng sau khi hoàn thành khóa đào tạo.

d) Văn bản hoặc thông tin xác nhận cư trú (thường trú, tạm trú) trên địa bàn tỉnh (đối với người dân địa phương).

đ) Hợp đồng lao động hoặc văn bản xác nhận của cơ sở kinh doanh du lịch đang hoạt động trên địa bàn tỉnh (đối với người lao động từ tỉnh khác đang làm việc tại Ninh Bình).

e) Văn bản cử đi học của cơ sở kinh doanh du lịch (đối với trường hợp được doanh nghiệp cử đi học).

Điều 6. Hỗ trợ tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng đổi mới sáng tạo cho nghệ nhân, thợ thủ công của các làng nghề, làng nghề truyền thống và các nghề thủ công truyền thống trên địa bàn tỉnh nhằm thiết kế sản phẩm làng nghề, đáp ứng thị hiếu và nhu cầu khách du lịch

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về đổi mới sáng tạo, thiết kế sản phẩm làng nghề nhằm đáp ứng thị hiếu và nhu cầu khách du lịch; nâng cao kỹ năng sáng tạo, thiết kế mẫu mã, cải tiến bao bì, ứng dụng công nghệ thông tin và thương mại điện tử trong quảng bá, tiêu thụ sản phẩm làng nghề phục vụ du lịch.

2. Đối tượng được hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân tổ chức chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về đổi mới sáng tạo, thiết kế sản phẩm làng nghề, nghề thủ công truyền thống trên địa bàn tỉnh.

3. Điều kiện hỗ trợ:

a) Có kế hoạch, dự trù kinh phí tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng đổi mới sáng tạo cho nghệ nhân, thợ thủ công của các làng nghề, làng nghề truyền thống và các nghề thủ công truyền thống trên địa bàn tỉnh.

b) Các làng nghề, làng nghề truyền thống hoặc nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh phải nằm trong danh sách được Uỷ ban nhân dân tỉnh công nhận.

c) Lớp đào tạo, bồi dưỡng tổ chức trên địa bàn tỉnh, không thu học phí của học viên tham gia.

d) Mỗi lớp đào tạo, bồi dưỡng phải bảo đảm tối thiểu từ 10 học viên trở lên, thời gian tổ chức ít nhất 03 ngày.

đ) Giảng viên tham gia giảng dạy phải có trình độ đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp, có nhiều thành tích, kinh nghiệm trong thiết kế, đổi mới sáng tạo.

e) Học viên là nghệ nhân, thợ thủ công có tay nghề cao, có kinh nghiệm đang trực tiếp sản xuất tại các cơ sở làng nghề, làng nghề truyền thống, chưa tham gia lớp đào tạo cùng nội dung và chưa được hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Điều này trong năm.

4. Mức hỗ trợ:

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ 90% chi phí tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng, với mức tối đa không quá 70 triệu đồng/lớp đối với lớp tối thiểu từ 10 học viên trở lên.

b) Mỗi tổ chức, cá nhân tổ chức chương trình, đào tạo, bồi dưỡng chỉ được hỗ trợ tổ chức tối đa 02 lớp/năm.

5. Thời điểm hỗ trợ: Sau khi hoàn thành việc tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng đổi mới sáng tạo theo kế hoạch.

6. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu).

b) Danh sách giảng viên kèm lý lịch khoa học hoặc giấy tờ chứng minh trình độ, kinh nghiệm giảng dạy, thành tích tham gia các cuộc thi, liên hoan trong nước và quốc tế.

c) Danh sách học viên tham gia lớp đào tạo, bồi dưỡng (có xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã công nhận nghệ nhân, thợ thủ công có tay nghề cao, có kinh nghiệm đang trực tiếp sản xuất tại các cơ sở làng nghề, làng nghề truyền thống).

d) Kế hoạch và bảng kê kinh phí tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng.

đ) Bản chính hoặc bản sao hợp pháp các hóa đơn, chứng từ chứng minh chi phí tổ chức (trường hợp nộp bản sao thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu).

e) Báo cáo kết quả đào tạo, hình ảnh hoạt động, danh sách sản phẩm mẫu sau khóa học (nếu có).

Điều 7. Hỗ trợ tham gia các chương trình xúc tiến du lịch hoặc hội chợ, triển lãm về du lịch trong và ngoài nước

1. Nội dung hỗ trợ:

Hỗ trợ chi phí các tổ chức, cá nhân kinh doanh lĩnh vực du lịch và các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Ninh Bình khi tham gia các chương trình xúc tiến du lịch hoặc hội chợ, triển lãm về du lịch trong và ngoài nước.

Nội dung hỗ trợ bao gồm: Chi phí thuê gian hàng; thiết kế, dựng gian hàng; sản xuất ấn phẩm quảng bá; phương tiện di chuyển; visa; hội trường; quà tặng; phiên dịch.

2. Đối tượng được hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân kinh doanh lĩnh vực du lịch và các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Ninh Bình tham gia các chương trình xúc tiến du lịch hoặc hội chợ, triển lãm về du lịch đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Điều kiện hỗ trợ:

Cá nhân, tổ chức kinh doanh du lịch, kinh doanh sản phẩm OCOP có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ hợp pháp khác chứng minh đủ điều kiện kinh doanh du lịch, kinh doanh sản phẩm OCOP theo quy định của pháp luật.

Kế hoạch và dự toán kinh phí tham gia chương trình xúc tiến du lịch hoặc hội chợ, triển lãm về du lịch quảng bá sản phẩm.

4. Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% tổng chi phí tham gia chương trình, với mức hỗ trợ tối đa như sau:

a) Không quá 30 triệu đồng/lần đối với chương trình xúc tiến du lịch hoặc hội chợ, triển lãm về du lịch trong nước.

b) Không quá 50 triệu đồng/lần đối với chương trình tổ chức tại các nước thuộc khu vực châu Á.

c) Không quá 100 triệu đồng/lần đối với chương trình tổ chức tại các nước ngoài khu vực châu Á.

5. Thời điểm hỗ trợ: Sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành việc tham gia chương trình xúc tiến du lịch hoặc hội chợ, triển lãm về du lịch.

6. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu).

b) Kế hoạch và dự toán kinh phí tham gia chương trình xúc tiến du lịch hoặc hội chợ, triển lãm về du lịch.

c) Bảng kê chi phí liên quan đến nội dung được hỗ trợ (thuê gian hàng; thiết kế, dựng gian hàng; sản xuất ấn phẩm; phương tiện di chuyển; visa; hội trường; quà tặng; phiên dịch).

d) Bản chính hoặc bản sao các hóa đơn, chứng từ hợp pháp chứng minh các khoản chi phí nêu trên (trường hợp nộp bản sao thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu).

Chương III
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH

Điều 8. Hỗ trợ đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo loại hình nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (gọi theo tiếng Anh là homestay)

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo nhà ở nhằm cung cấp dịch vụ lưu trú cho khách du lịch theo loại hình homestay (hỗ trợ chi phí đầu tư cải tạo, mua sắm trang thiết bị).

2. Đối tượng được hỗ trợ: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Điều kiện hỗ trợ:

a) Đáp ứng các điều kiện để được kinh doanh du lịch theo quy định của pháp luật.

b) Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng, đầu tư, kinh doanh.

c) Homestay sau khi được tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng mới hoặc công trình nâng cấp, cải tạo phải có quy mô phục vụ từ 10 khách du lịch trở lên và đáp ứng các điều kiện theo Tiêu chuẩn quốc gia hiện hành về nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê.

4. Mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 100 triệu đồng/công trình xây dựng mới.

b) Hỗ trợ 20% kinh phí công trình nâng cấp và không quá 50 triệu đồng/công trình.

5. Thời điểm hỗ trợ: Sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo.

6. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu).

b) Bản sao văn bản công nhận của Sở Du lịch về việc đủ điều kiện kinh doanh du lịch, đạt Tiêu chuẩn quốc gia hiện hành về nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê và có quy mô phục vụ từ 10 khách trở lên.

c) Bảng kê chi phí nâng cấp, cải tạo nhà ở nhằm cung cấp dịch vụ lưu trú cho khách du lịch theo loại hình homestay (đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ nâng cấp, cải tạo).

Điều 9. Hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch mới

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh đầu tư phát triển các sản phẩm du lịch mới phục vụ khách du lịch.

2. Đối tượng được hỗ trợ: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Điều kiện hỗ trợ:

a) Các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch có sản phẩm du lịch mới đáp ứng đầy đủ các quy định pháp luật về kinh doanh du lịch hoặc có quyết định, giấy phép chấp thuận chủ trương/đầu tư của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

b) Sản phẩm du lịch đề nghị hỗ trợ là sản phẩm mới, thỏa mãn các điều kiện sau: Chưa có trên thị trường du lịch Ninh Bình, hoặc được hình thành từ việc tổ chức, kết nối dịch vụ trên cơ sở khai thác tài nguyên du lịch địa phương, mang lại giá trị và trải nghiệm mới; có tính sáng tạo, độc đáo trong công nghệ, phương thức tổ chức và triển khai; đáp ứng các điều kiện cơ bản về dịch vụ, quản lý, tài nguyên, hạ tầng và cơ sở vật chất phục vụ du lịch; được đầu tư, khai thác hợp pháp theo quy định; thu hút đông dảo du khách đến tham quan, trải nghiệm và có tiềm năng phát triển.

4. Mức hỗ trợ: 20% chi phí đầu tư phát triển sản phẩm du lịch mới, nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/01 sản phẩm.

5. Thời điểm hỗ trợ: Sau khi hoàn thành việc đầu tư và đưa sản phẩm vào sử dụng trong thực tế.

6. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu).

b) Bản thuyết minh sản phẩm du lịch: Giới thiệu sản phẩm; tính mới, sáng tạo, giá trị nổi bật của sản phẩm; đối tượng khách hướng tới, phương án tổ chức khai thác; hiệu quả dự kiến; hình ảnh minh họa (nếu có).

c) Biên bản của Hội đồng thẩm định của Sở Du lịch.

d) Bảng kê chi phí đầu tư phát triển sản phẩm du lịch mới.

đ) Bản chính hoặc bản sao các hóa đơn, chứng từ và các tài liệu hợp pháp để chứng minh chi phí đầu tư phát triển sản phẩm du lịch mới (trường hợp nộp bản sao thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu).

Điều 10. Hỗ trợ thành lập mới các đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng tại các địa phương để phục vụ khách du lịch và các hoạt động, sự kiện du lịch của tỉnh

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí thành lập các đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng tại các địa phương trên địa bàn tỉnh nhằm phục vụ khách du lịch và các hoạt động, sự kiện du lịch của tỉnh.

2. Đối tượng được hỗ trợ: Đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Điều kiện hỗ trợ:

a) Đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng trên địa bàn tỉnh được thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, có tham gia biểu diễn phục vụ khách du lịch và các hoạt động, sự kiện du lịch của tỉnh.

b) Có Giấy xác nhận của các khu, điểm du lịch, Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đã biểu diễn phục vụ khách du lịch hai buổi/ tuần từ 02 tháng trở lên.

c) Có cam kết về việc biểu diễn các loại hình nghệ thuật truyền thống phục vụ khách du lịch. Trường hợp vi phạm cam kết thì đối tượng được hỗ trợ phải hoàn trả lại toàn bộ kinh phí hỗ trợ đã được cấp.

4. Mức hỗ trợ: 50 triệu đồng đối với mỗi đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng thành lập mới; chỉ hỗ trợ kinh phí thành lập mới cho tối đa 02 đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng/năm tại mỗi đơn vị hành chính cấp xã.

5. Thời điểm hỗ trợ: Sau khi đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng được thành lập và đã biểu diễn phục vụ khách du lịch từ 02 tháng trở lên.

6. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu).

b) Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền thành lập đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng.

c) Giấy xác nhận của các khu, điểm du lịch, Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đã biểu diễn phục vụ khách du lịch tối thiểu từ 02 tháng trở lên.

d) Bản cam kết về việc biểu diễn các loại hình nghệ thuật truyền thống phục vụ khách du lịch và các hoạt động, sự kiện du lịch của tỉnh.

Điều 11. Hỗ trợ duy trì hoạt động của các đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng tại các địa phương để phục vụ khách du lịch và các hoạt động, sự kiện du lịch của tỉnh

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí duy trì hoạt động cho các đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng tại các địa phương trên địa bàn tỉnh nhằm phục vụ khách du lịch và các hoạt động, sự kiện du lịch của tỉnh.

2. Đối tượng được hỗ trợ: Đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Điều kiện hỗ trợ:

a) Đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng trên địa bàn tỉnh đã được thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và có tham gia biểu diễn phục vụ khách du lịch và các hoạt động, sự kiện du lịch của tỉnh.

b) Có Giấy xác nhận của các khu du lịch, điểm du lịch, Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đã biểu diễn phục vụ khách du lịch tối thiểu từ 02 tháng trở lên.

c) Có cam kết về việc biểu diễn các loại hình nghệ thuật truyền thống phục vụ khách du lịch. Trường hợp vi phạm cam kết thì đối tượng được hỗ trợ phải hoàn trả lại toàn bộ kinh phí hỗ trợ đã được cấp.

4. Mức hỗ trợ: 30 triệu đồng đối với đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng/ năm.

5. Thời điểm hỗ trợ: Hỗ trợ hàng năm (đối với đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng thành lập sau khi Nghị quyết này có hiệu lực, được hỗ trợ duy trì hoạt động sau 6 tháng kể từ ngày có quyết định của cơ quan có thẩm quyền thành lập đội văn nghệ, các năm tiếp theo hỗ trợ trong Quý I của năm)

6. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu).

b) Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền thành lập đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng.

c) Giấy xác nhận của các khu, điểm du lịch, Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về kết quả biểu diễn phục vụ khách du lịch của đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng 06 tháng đối với trường hợp đề nghị hỗ trợ lần đầu tiên và kết quả biểu diễn của năm trước đối với trường hợp đề nghị từ năm thứ hai trở đi.

d) Bản cam kết về việc biểu diễn các loại hình nghệ thuật truyền thống phục vụ khách du lịch và các hoạt động, sự kiện du lịch của tỉnh tối thiểu 02 lần/tháng.

Điều 12. Hỗ trợ tổ chức các chương trình biểu diễn nghệ thuật góp phần thu hút khách du lịch

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tổ chức các chương trình biểu diễn nghệ thuật góp phần thu hút khách du lịch trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng được hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân tổ chức các chương trình biểu diễn nghệ thuật góp phần thu hút khách du lịch trên địa bàn tỉnh đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Điều kiện hỗ trợ:

a) Có văn bản đồng ý cho tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật của cơ quan có thẩm quyền.

b) Các tổ chức, cá nhân có kế hoạch, kịch bản chương trình, thiết kế sân khấu, báo cáo về số lượng và doanh thu bán vé của chương trình.

4. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 10% tổng kinh phí tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật, với mức tối đa cụ thể như sau:

a) Không quá 200 triệu đồng đối với chương trình biểu diễn nghệ thuật thu hút từ 3.000 đến dưới 5.000 người.

b) Không quá 300 triệu đồng đối với chương trình biểu diễn nghệ thuật thu hút từ 5.000 đến dưới 10.000 người.

c) Không quá 500 triệu đồng đối với chương trình biểu diễn nghệ thuật thu hút từ 10.000 người trở lên.

5. Thời điểm hỗ trợ: Hỗ trợ sau khi chương trình hoàn thành; Uỷ ban nhân dân tỉnh sẽ căn cứ kế hoạch, hồ sơ quyết toán xem xét hỗ trợ kinh phí.

6. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu).

b) Bản sao văn bản đồng ý cho tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật của cơ quan có thẩm quyền.

c) Kế hoạch, kịch bản chương trình, thiết kế sân khấu, báo cáo về số lượng và doanh thu bán vé của chương trình.

d) Clip quay lại chương trình biểu diễn nghệ thuật.

Chương IV
HỖ TRỢ BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HOÁ THIÊN NHIÊN THẾ GIỚI QUẦN THỂ DANH THẮNG TRÀNG AN

Điều 13. Hỗ trợ tu bổ, sửa chữa nhà ở mang kiểu dáng kiến trúc truyền thống của vùng đồng bằng Bắc Bộ, có giá trị trong việc bảo tồn văn hóa lịch sử trong vùng lõi Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An để phục vụ hoạt động du lịch

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân thực hiện việc tu bổ, sửa chữa nhà ở mang kiểu dáng kiến trúc truyền thống của vùng đồng bằng Bắc Bộ,

có giá trị trong việc bảo tồn văn hóa lịch sử trong vùng lõi Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An để phục vụ hoạt động du lịch.

2. Đối tượng được hỗ trợ: Hộ gia đình, cá nhân đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Điều kiện hỗ trợ:

a) Là chủ sở hữu ngôi nhà ở mang kiểu dáng kiến trúc truyền thống của vùng đồng bằng Bắc Bộ, có giá trị trong việc bảo tồn văn hóa lịch sử trong vùng lõi Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An để phục vụ hoạt động du lịch.

b) Nhà ở nằm trong Danh mục "Nhà ở mang kiểu dáng kiến trúc truyền thống của vùng đồng bằng Bắc Bộ, có giá trị trong việc bảo tồn văn hóa lịch sử trong vùng lõi Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An" được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

c) Việc tu bổ, sửa chữa phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định và thi công theo đúng nội dung được phép xây dựng.

4. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 20% tổng chi phí tu bổ, sửa chữa nhà ở mang kiểu dáng kiến trúc truyền thống của vùng đồng bằng Bắc Bộ, có giá trị trong việc bảo tồn văn hóa lịch sử trong vùng lõi Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An để phục vụ hoạt động du lịch và không quá 150 triệu đồng/công trình.

5. Thời điểm hỗ trợ: Sau khi hoàn thành việc tu bổ, sửa chữa theo nội dung đã cơ quan có thẩm quyền cho phép.

6. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu).

b) Văn bản ủy quyền của các thành viên hộ gia đình cho một thành viên hộ gia đình làm người đại diện thực hiện thủ tục đề nghị hỗ trợ (văn bản phải được công chứng hoặc chứng thực) trong trường hợp đối tượng đề nghị hỗ trợ là hộ gia đình.

c) Xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tu bổ, sửa chữa theo đúng nội dung được phép xây dựng.

d) Bảng kê chi phí phù hợp với quy mô sửa chữa, cải tạo nhà ở mang kiểu dáng kiến trúc truyền thống của vùng đồng bằng Bắc Bộ, có giá trị trong việc bảo tồn văn hóa lịch sử trong vùng lõi Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An để phục vụ hoạt động du lịch.

Điều 14. Hỗ trợ xây dựng mới nhà ở (theo khung mẫu thiết kế) trong vùng lõi Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ các hộ gia đình, cá nhân xây dựng mới nhà ở trong vùng lõi Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An.

2. Đối tượng được hỗ trợ: Hộ gia đình, cá nhân đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Điều kiện hỗ trợ:

a) Hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất ở đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong vùng lõi Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An.

b) Hình thức kiến trúc theo các khung mẫu thiết kế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

c) Việc xây dựng nhà ở mới phải được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật và thi công theo đúng nội dung giấy phép xây dựng đã được cấp.

4. Mức hỗ trợ: 200 triệu đồng/công trình.

5. Thời điểm hỗ trợ: Sau khi hoàn thành việc xây dựng mới theo nội dung giấy phép xây dựng đã được cấp.

6. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu).

b) Văn bản ủy quyền của các thành viên hộ gia đình cho một thành viên hộ gia đình làm người đại diện thực hiện thủ tục đề nghị hỗ trợ (văn bản phải được công chứng hoặc chứng thực) trong trường hợp đối tượng đề nghị hỗ trợ là hộ gia đình.

c) Xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xây dựng theo đúng nội dung giấy phép xây dựng.

Chương V
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN HỖ TRỢ

Điều 15. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đáp ứng đủ điều kiện hỗ trợ của chính sách quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 12 Quy định này nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Sở Du lịch là đơn vị tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đáp ứng đủ điều kiện hỗ trợ của các chính sách quy định tại Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 13, Điều 14 Quy định này nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Uỷ ban nhân dân cấp xã là đơn vị tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ.

Điều 16. Trình tự, thủ tục thực hiện đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ do Sở Du lịch tiếp nhận

1. Sở Du lịch kiểm tra thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

2. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Du lịch phải trả lời bằng văn bản cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đề nghị hỗ trợ (trong đó nêu rõ lý do hồ sơ chưa đủ điều kiện).

3. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Du lịch có văn bản đề xuất hỗ trợ kèm theo hồ sơ đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân gửi Sở Tài chính.

Điều 17. Trình tự, thủ tục thực hiện đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ do Uỷ ban nhân dân cấp xã tiếp nhận

1. Uỷ ban nhân dân cấp xã kiểm tra thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

2. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Uỷ ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ (trong đó nêu rõ lý do hồ sơ chưa đủ điều kiện).

3. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề xuất hỗ trợ kèm theo hồ sơ đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân gửi Sở Du lịch tổng hợp gửi Sở Tài chính.

Điều 18. Thời gian giải quyết hồ sơ

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ từ Uỷ ban nhân dân cấp xã, Sở Du lịch có trách nhiệm rà soát, tổng hợp và có văn bản gửi Sở Tài chính để thực hiện thẩm định theo quy định.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Sở Du lịch, Sở Tài chính xem xét, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tài chính, Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ và giao Sở Tài chính cấp kinh phí cho Sở Du lịch và Uỷ ban nhân dân cấp xã để thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

Điều 19. Hình thức thanh toán hỗ trợ

Kinh phí hỗ trợ được thanh toán qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ hoặc tiền mặt đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không có tài khoản ngân hàng. Đơn vị chi trả phải lập danh sách, chứng từ và lưu giữ đầy đủ đảm bảo theo đúng quy định.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện các chính sách tại Quy định này do ngân sách tỉnh bảo đảm.

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Về việc hỗ trợ……..

Kính gửi: Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình/Ủy ban nhân dân xã, phường……

I. Thông tin chung

1. Đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đề nghị hỗ trợ

- Họ và tên cá nhân/đại diện hộ gia đình:……

- Ngày, tháng, năm sinh: ……

- Căn cước công dân số:……Ngày cấp…….. Nơi cấp……..

- Địa chỉ:

+ Nơi thường trú: ……

+ Nơi tạm trú *(nếu có)*: ……

- Điện thoại: ……

2. Đối với trường hợp tổ chức đề nghị hỗ trợ

- Thông tin về người đại diện theo pháp luật của tổ chức:

+ Họ và tên: …….…... Ngày, tháng, năm sinh:……

+ Căn cước công dân số…..…… Ngày cấp…….. Nơi cấp……

+ Chức vụ: …….. Điện thoại:……..

- Thông tin về tổ chức:

+ Địa chỉ:……..……...

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh/Giấy đăng ký hoạt động/Quyết định thành lập (nếu có) số……..

ngày cấp……nơi cấp……

+ Điện thoại (nếu có) : ……

II. Nội dung

1. Đề nghị hỗ trợ kinh phí hỗ trợ phát triển du lịch với những nội dung sau:

- Nội dung đề nghị hỗ trợ: .....

.....

.....

- Kinh phí đề nghị hỗ trợ:.....đồng.

Bằng chữ:.....đồng.

2. Cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung kê khai trong đơn và sẽ tổ chức sử dụng kinh phí được hỗ trợ theo đúng quy định.

3. Nếu được hỗ trợ, đề nghị thanh toán qua hình thức:

☐ Tài khoản: Tên tài khoản:..... số tài khoản:.....

Ngân hàng.....

☐ Bưu điện (ghi rõ họ và tên, số căn cước công dân, địa chỉ của người nhận):.....

.....

.....

☐ Trực tiếp

Đề nghị Sở Du lịch/Uỷ ban nhân dân xã, phường.....xem xét./.

ĐẠI ĐIỆN TỔ CHỨC/ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))